**Thực hành Tiếng Việt**

**SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT (1 tiết)**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Ý nghĩa và cách sử dụng của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh và văn bản văn học.

**2. Năng lực:**

- HS nhận biết được cách thức sử dụng từ Hán Việt và giá trị biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh.

- HS biết vận dụng kiến thức về từ Hán Việt để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của tác giả trong các văn bản đọc.

**3. Phẩm chất:**

HS biết trân trọng, yêu mến và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1.Thiết bị dạy học

Máy chiếu, bảng, laptop

2. Học liệu: Hình ảnh,bài giảng điện tử, Sách giáo khoa, sách GV, từ điển Hán Việt, từ điển Điển tích, điển cố, tài liệu tham khảo …

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1.Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới.

**Hoạt động 1: Khởi động, tạo tâm thế**

**a.Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn HS về nội dung bài học

**b. Nội dung** : Trình chiếu Powerpoint đoạn thơ “***Chị em Thuý Kiều***”

- HS điền từ còn thiếu vào các dấu ba chấm trong mỗi dòng thơ của đoạn thơ “ ***Chị em Thuý Kiều***” ( Trích “ Truyện Kiều”- Nguyễn Du)

- Rút ra đặc điểm chung của những từ vừa tìm được.

**c. Sản phẩm**: HS trả lời câu hỏi, điền từ còn thiếu vào dấu ba chấm

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

-GV Trình chiếu Powerpoint đoạn thơ “***Chị em Thuý Kiều***”

- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm theo bàn, điền từ vào các dấu ba chấm

B3: Báo cáo thảo luận

HS báo cáo kết quả.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhậnxét, đánh giá

* Các từ cần điền vào dấu ba chấm : ***Tố nga, cốt cách, tinh thần, trang trọng, khuôn trăng, nét ngài, đoan trang.***
* Nhận xét: Chúng đều là những từ Hán Việt

**Hoạt động 2: Củng cố kiến thức**

**a.Mục tiêu**: HS nhớ lại một số kiến thức đã học về từ Hán Việt

**b. Nội dung** : Gv đặt câu hỏi

- Chương trình Ngữ văn THCS đã cung cấp kiến thức về từ Hán Việt chưa?

- Chương trình Ngữ văn 10 , tập 1 đã có bài nào các em được học và thực hành về từ Hán Việt?

- Vai trò, ý nghĩa của từ Hán Việt trong quá trình tạo lập văn bản là gì?

- Cách để suy đoán nghĩa của từ Hán Việt?

**c. Sản phẩm**: HS Trả lời câu hỏi

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ, thảo luận nhóm theo bàn

B3: Báo cáo thảo luận

HS báo cáo kết quả.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhậnxét, đánh giá

-Kiến thức cơ bản về từ HV đã được cung cấp trong chương trình Ngữ văn THCS, trong SGK Ngữ văn 10 tập 1 , ở bài ***Sức hấp dẫn của truyện kể*** , tiếp tục giúp các em có cơ hội phát triển kĩ năng sử dụng từ Hán Việt thông qua những bài tập thực hành ở mức nâng cao.

- Từ Hán Việt là từ mượn gốc Hán, Tiếng để cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt. Đây là loại từ chiếm số lượng lớn trong kho từ vựng Tiếng Việt.

- Vai trò, ý nghĩa : Tạo sắc thái trang trọng, tao nhã, cổ kính, phù hợp với không khí cổ xưa, hoặc thể hiện thái độ tôn kính…

- Cách để suy đoán nghĩa của từ Hán Việt: Thường dựa vào nghĩa của các yếu tố tạo nên từ đó, dựa vào ngữ cảnh, từ điển… (cần chú ý các từ có sự chuyển nghĩa)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 3: Luyện tập , vận dụng**  **a. Mục tiêu :**HS vận dụng kiến thức đã học để nhận diện và phân tích nghĩa của từ Hán Việt  **b. Nội dung**  HS vận dụng kiến thức đã học kết hợp với từ điển Hán Việt để xác định từ Hán Việt và các yếu tố Hán Việt , các điển tích có trong một số đoạn trích của ***Bình Ngô đại cáo*** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ:  GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1 bài tập , trả lời vào phiếu học tập  ***Nhóm 1: Bài 1- Phiếu học tập số 1***  *a.Tìm và giải nghĩa một số từ HV có trong đoạn trích chưa được chú thích ở văn bản Bình Ngô đại cáo*  *b. Nêu tác dụng biểu đạt của hệ thống từ Hán Việt trong đoạn trích.*  *c. Đặt câu với các từ: Nhân nghĩa, văn hiến, hào kiệt*  ***Nhóm 2: bài 2- Phiếu học tập số 2***  *Đọc lại đoạn 3 của văn bản Bình Ngô đại cáo ( từ “Ta đây” đến “Dùng quan mai phục, lấy ít địch nhiều”), Lập bảng hoặc vẽ sơ đồ liệt kê các điển tích và nêu tác dụng biểu đạt của chúng theo gợi ý sau*  ***Nhóm 3: Bài 3- Phiếu học tập số 3***  *Hầu hết các từ có yếu tố “nghĩa” trong nguyên tác Bình Ngô đại cáo đã được dùng lại nguyên vẹn, không dịch ra Tiếng Việt. ( Ví dụ: Nhân nghĩa). Hãy liệt kê và giải thích nghĩa của các từ đó.*  ***Nhóm 4: Bài 4- Phiếu học tập số 4***  *Tìm một số từ Hán Việt có yếu tố “nhân” được dùng với nghĩa như trong từ “nhân nghĩa”. Giải nghĩa các từ đó.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh hoàn thành nhiệm vụ vào các phiếu học tập của mình  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Mỗi nhóm cử 1 đại diện trình bày sản phẩm của nhóm mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại vấn đề, nhận xét, đánh giá, bổ sung từng phiếu học tập. | ***Nhóm 1: Phiếu học tập số 1***  ***a.Tìm và giải nghĩa một số từ Hán Việt có trong đoạn trích chưa được chú thích ở văn bản Bình Ngô đại cáo***   |  |  | | --- | --- | | **Từ/Yếu tố** | **Nghĩa** | | ***Trừ bạo*** | ***Trừ***: Trừ bỏ, loại bỏ  ***Bạo:*** Tàn bạo  =>Diệt trừ những kẻ bạo ngược, làm hại dân lành. | | ***Phong tục*** | ***Phong:*** thói quen được ưa chuộng  ***Tục***: Cái được công nhận, ham chuộng   * Thói quen đã ăn sâu vào đời sống xã hội, được mọi người công nhận và làm theo. | | ***Độc lập*** | ***Độc:*** Một mình  ***Lập***: Đứng thẳng, gây dựng   * Nước có chủ quyền, không lệ thuộc vào nước khác, người tự mình tồn tại, không lệ thuộc vào ai. | | **b. Nêu tác dụng biểu đạt của hệ thống từ Hán việt trong đoạn trích:**  **-** Tạo sắc thái biểu cảm trang trọng, tự hào, tôn kính.  **-** Phù hợp với ngữ cảnhcủa bài cáo.  c.Đặt câu với các từ: *: Nhân nghĩa, văn hiến, hào kiệt* | |   ***Nhóm 2- Phiếu học tập số 2***  *Lập bảng hoặc vẽ sơ đồ liệt kê các điển tích và nêu tác dụng biểu đạt của chúng theo gợi ý sau:*  1.***Nếm mật nằm gai*** : Thể hiện ý chí, nhiệt huyết cứu nước của người lãnh đạo nghĩa quân Lam Sơn.  2. ***Dựng cần trúc***: Tái hiện những ngày đầu dấy nghĩa : Thiếu thốn gian nan mà khí thế hào hùng  3. ***Hoà nước sông chén rượu ngọt ngào***: Khảng định, ngợi ca tinh thần đoàn kết của nghĩa quan Lam Sơn: Trên dưới một lòng, đoàn kết, gắn bó, yêu thương nhau như tình cha con.  ***Nhóm 3 - Phiếu học tập số 3***  *Hãy liệt kê và giải thích nghĩa của các từ có yếu tố “Nghĩa” trong nguyên tác “Bình Ngô đại cáo”*   * ***Nhân nghĩa***: Lòng yêu thương con người và làm theo lẽ phải * ***Dấy nghĩa***: Nổi dậy, làm theo lẽ phải * ***Cờ nghĩa***: Ngọn cờ của lẽ phải * ***Đại nghĩa***: Việc lớn, lẽ phải nên làm.   ***Nhóm 4- Phiếu học tập số 4***  *Tìm một số từ Hán Việt có yếu tố “nhân” được dùng với nghĩa như trong từ “nhân nghĩa”. Giải nghĩa các từ đó.*   * ***Nhân hậu***: Hiền lành, tốt bụng, giàu lòng thương người, chỉ muốn đem lại những điều tốt lành cho người khác * ***Nhân từ***: Hiền lành, có lòng thương người * ***Nhân đạo***: Thương yêu, quý trọng, vì con người. * ***Nhân ái:*** Có lòng yêu thương con người, sẵn sáng giúp đỡ khi cần thiết. |

**Phụ lục 1: Phiếu học tập**

**Phiếu học tập số 1a.**

**Tìm và giải nghĩa một số từ Hán Việt có trong đoạn trích chưa được chú thích ở văn bản “Bình Ngô đại cáo”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ/Yếu tố** | **Nghĩa** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phiếu học tập số 1c**

***Đặt câu với các từ: : Nhân nghĩa, văn hiến, hào kiệt***

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ** | **Đặt câu** |
| ***Nhân nghĩa*** |  |
| ***Văn hiến*** |  |
| ***Hào kiệt*** |  |

**Phiếu học tập số 2:**

**Lập bảng liệt kê các điển tích và nêu tác dụng biểu đạt của chúng theo gợi ý sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Điển tích** | **Tác dụng biểu đạt** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phiếu học tập số 3:**

**Hãy liệt kê và giải thích nghĩa của các từ có yếu tố “Nghĩa” trong nguyên tác “Bình Ngô đại cáo”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ** | **Nghĩa của từ** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phiếu học tập số 4**

**Tìm một số từ Hán Việt có yếu tố “nhân” được dùng với nghĩa như trong từ “nhân nghĩa”. Giải nghĩa các từ đó.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ** | **Nghĩa của từ** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phụ lục 2. Rubic đánh giá thảo luận nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, nhiều yêu cầu chưa thực hiện được. Trình bày cẩu thả. | **1 điểm**  Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa thực hiện đủ các yêu cầu của bài tập.  Một số ý chưa chính xác | **4 – 5 điểm**  Thực hiện tương đối đầy đủ các yêu cầu.  Nhiều ý chính xác | **6 điểm**  Thực hiện đầy đủ các yêu cầu  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |